

GIẤY ỦY QUYỀN

(Số: 52.../TASA-UQ)

- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;
- Căn cứ vào quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;
- Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty,

Người uỷ quyền: Ông Đàm Mạnh Cường

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CCCD số: 092084002925 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 30/12/2016.

Người được uỷ quyền: Ông Phan Thanh Bình

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CCCD số: 031069006598 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/12/2019.

Nội dung uỷ quyền:

1. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ông Đàm Mạnh Cường uỷ quyền cho Ông Phan Thanh Bình ký Báo cáo tài chính và các văn bản giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Người uỷ quyền, Công ty và trước pháp luật về công việc được uỷ quyền.
3. Thời hạn uỷ quyền: Việc uỷ quyền này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký giấy uỷ quyền.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Phan Thanh Bình

**NGƯỜI ỦY QUYỀN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Đàm Mạnh Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

Số: **06** /CV-TASADH-2022

(V/v: Giải trình chênh lệch BCTC năm
2021 trước và sau kiểm toán)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hải phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 đường đi Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP Hải Phòng
4. Điện thoại: 0225.3798895 Fax: 0225.3798895

Chúng tôi xin được giải trình về chênh lệch giữa BCTC riêng năm 2021 trước và sau kiểm toán tại Bảng cân đối kế toán như sau:

Chỉ tiêu	Sau Kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch
Phải thu ngắn hạn khác	157.485.039.584	117.485.039.584	40.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	473.808.000	40.473.808.000	(40.000.000.000)

Chênh lệch số liệu là do Công ty phân loại lại các khoản phải thu khác

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu



TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình

Số: 07/CV-TASA DH - 2022

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD giữa
BCTC sau kiểm toán năm 2021 và BCTC
sau kiểm toán năm 2020)

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 đường đi Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP Hải Phòng.
4. Điện thoại: 02253.978.895 Fax: 02253.978.895

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau kiểm toán	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	98,153,324,766	28,537,936,196	69,615,388,570	243.94%
Giá vốn hàng bán	82,512,063,696	23,108,336,289	59,403,727,407	257.07%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15,641,261,070	5,429,599,907	10,211,661,163	188.07%
Doanh thu hoạt động tài chính	31,472,650,137	18,359,006,655	13,113,643,482	71.43%
Chi phí tài chính	(1,443,378,218)	(217,548,624)	(1,225,829,594)	-563.47%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,226,573,286	5,049,952,422	5,176,620,864	102.51%
Lợi nhuận khác	875,057,046	-	875,057,046	100.00%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39,205,773,185	18,956,202,764	20,249,570,421	106.82%
Thuế TNDN phải nộp	6,330,791,722	565,031,923	5,765,759,799	1020.43%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32,874,981,463	18,391,170,841	14,483,810,622	78.75%



Lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC sau kiểm toán năm 2021 tăng 78.75% so với năm trước chủ yếu do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu sản xuất kinh doanh năm 2021 tăng 243.94% so với năm ngoái do sản lượng cung cấp dịch vụ tăng, lợi nhuận gộp hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 188.07%.

+ Khoản mục doanh thu hoạt động tài chính năm 2021 tăng 71.43% so với năm ngoái: năm 2021, khoản tiền lãi thu được do Công ty đầu tư tài chính nhiều hơn so với năm ngoái.

+ Khoản mục chi phí tài chính năm 2021, Công ty hoàn nhập số đã trích dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con của các kỳ trước.

+ Trong năm 2021, Công ty thu được lợi nhuận từ bán phương tiện vận tải. Năm 2020 không có khoản thu nhập này.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu.



TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Bình



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Thành viên HĐQT từ ngày 24/04/2021, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 11/10/2021)
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị (Thành viên HĐQT từ ngày 25/09/2021, bổ nhiệm Phó chủ tịch HĐQT từ ngày 11/10/2021)
Ông Phan Thanh Bình	Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị (Thành viên HĐQT từ ngày 20/04/2019, bổ nhiệm Phó chủ tịch HĐQT từ ngày 11/10/2021)
Ông Đào Việt Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 11/10/2021, Thành viên HĐQT từ ngày 11/10/2021)
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (Bổ nhiệm ngày 25/9/2021)
Ông Ngô Trọng Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 24/4/2021, miễn nhiệm ngày 01/9/2021)
Ông Lê Thái Cường	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 29/3/2021)
Ông Trần Tuấn Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (Miễn nhiệm ngày 01/09/2021)
Ông Tạ Minh Nguyễn	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (Miễn nhiệm ngày 05/3/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/3/2021, miễn nhiệm ngày 03/12/2021)
Bà Trịnh Thị Huế	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/5/2021)
Ông Nguyễn Đình Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/3/2021)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đàm Mạnh Cường - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 theo Giấy ủy quyền số 52/TASA-UQ ngày 12 tháng 10 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Số: 198 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2022, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022



Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2737-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		247.192.633.701	74.658.384.189
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.131.341.370	56.020.370.348
1. Tiền	111		5.131.341.370	5.020.370.348
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	51.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		241.854.569.398	18.223.007.933
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	13.866.625.814	1.635.912.548
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	70.502.904.000	79.427.371
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	157.485.039.584	16.507.668.014
III. Hàng tồn kho	140	8	84.667.031	-
1. Hàng tồn kho	141		84.667.031	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		122.055.902	415.005.908
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	98.392.745	415.005.908
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.663.157	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		74.350.639.852	175.999.607.584
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		473.808.000	8.892.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	10	-	8.800.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	473.808.000	92.000.000
II. Tài sản cố định	220		967.873.563	1.092.760.467
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	967.873.563	1.092.760.467
- Nguyên giá	222		1.323.944.547	9.328.713.864
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(356.070.984)	(8.235.953.397)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	72.000.000.000	165.591.640.789
1. Đầu tư vào công ty con	251		72.000.000.000	167.096.120.074
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.504.479.285)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		908.958.289	423.206.328
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	908.958.289	423.206.328
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		321.543.273.553	250.657.991.773

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		11.895.200.009	4.225.304.674
I. Nợ ngắn hạn	310		11.880.200.009	4.147.304.674
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	7.323.631.415	1.038.579.164
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		231.019.601	49.355
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.674.275.514	108.968.894
4. Phải trả người lao động	314		1.171.001.200	220.494.900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		462.891.471	592.041.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	854.517.701	2.017.010.594
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		162.863.107	170.160.767
II. Nợ dài hạn	330		15.000.000	78.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	15.000.000	78.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		309.648.073.544	246.432.687.099
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	309.648.073.544	246.432.687.099
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	187.110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.110.000.000	187.110.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.926.933.100	9.772.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	415		-	(22.095.490.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		944.565.060	875.146.852
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	108.532.185
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		91.666.575.384	70.662.139.062
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		70.018.193.921	60.635.006.221
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		21.648.381.463	10.027.132.841
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		321.543.273.553	250.657.991.773



Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2022



Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	98.153.324.766	28.537.936.196
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		98.153.324.766	28.537.936.196
4. Giá vốn hàng bán	11	19	82.512.063.696	23.108.336.289
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		15.641.261.070	5.429.599.907
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	31.472.650.137	18.359.006.655
7. Chi phí tài chính	22	22	(1.443.378.218)	(217.548.624)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	10.226.573.286	5.049.952.422
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 22 - 26}	30		38.330.716.139	18.956.202.764
10. Thu nhập khác	31	24	875.060.416	-
11. Chi phí khác	32		3.370	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		875.057.046	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		39.205.773.185	18.956.202.764
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	6.330.791.722	565.031.923
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		32.874.981.463	18.391.170.841

Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	39.205.773.185	18.956.202.764
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	124.886.904	173.839.652
- Các khoản dự phòng	03	(1.504.479.285)	(221.279.549)
- Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	60.490.057	(221.827)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(32.347.650.137)	(18.355.914.684)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.539.020.724	552.626.356
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(54.282.494.850)	(3.508.335.519)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(84.667.031)	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	7.008.961.004	(4.301.110.672)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(169.138.798)	(698.660.968)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.870.599.067)	(771.568.525)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.369.056.794)	(701.396.565)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(48.227.974.812)	(9.428.445.893)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(70.160.904.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	875.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(120.000.000.000)	(36.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	68.800.000.000	88.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(157.000.000.000)	(4.060.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	208.247.444.563	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.736.055.966	21.912.287.352
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(33.502.403.471)	69.252.287.352
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH (i)	31	42.250.064.100	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.348.224.738)	(14.965.824.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30.901.839.362	(14.965.824.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(50.828.538.921)	44.858.017.459
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	56.020.370.348	11.162.131.062
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(60.490.057)	221.827
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5.131.341.370	56.020.370.348

Ghi chú:

(i) Phản ánh số tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ trong năm.



Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2022





Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng

Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 18/10/2021.

Công ty có trụ sở tại: Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 187.110.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 42 người (tại ngày 31/12/2020 là 11 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm và chế phẩm vệ sinh.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê container;
- Cho thuê xe có động cơ.

Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ bãi, dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư tại các công ty con (năm giữ trước ngày 30/06/2021), chi tiết như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá chuyển nhượng	Ngày chuyển nhượng
Công ty TNHH Container Minh Thành	TP. Hải Phòng	60.990.000.000	31/05/2021
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	TP. Hải Phòng	86.800.000.000	21/05/2021
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	TP. Hải Phòng	32.867.444.563	21/05/2021
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	TP. Hải Phòng	14.510.000.000	07/06/2021
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	6.500.000.000	21/05/2021
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	TP. Hà Nội	2.520.000.000	09/06/2021
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	TP. Hải Phòng	1.000.000.000	09/06/2021
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	TP. Hà Nội	3.060.000.000	09/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 01 Chi nhánh phụ thuộc là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải - Chi nhánh Hồ Chí Minh, và 01 Công ty con hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu với thông tin như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	TP. Hồ Chí Minh	50,704%	50,704%

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập riêng cho Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty trong năm.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày Báo cáo tài chính riêng. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> Số năm
Máy móc và thiết bị	03
Phương tiện vận tải	09 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dụng, chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo chính sách kế toán của Công ty.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Quỹ đầu tư phát triển: được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Phân phối lợi nhuận: lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư góp vốn và đơn vị khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán: Đối với hoạt động mua, bán chứng khoán kinh doanh, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá vốn, trong đó giá vốn là giá trị ghi sổ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, giá bán được tính theo giá trị hợp lý của khoản nhận được.

Lãi từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư khoản hợp tác kinh doanh và lãi suất quy định trên hợp đồng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

07
TY
IÂN
TÀI
GT
VHI
HA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Bên liên quan**

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

STT	Tên đối tượng	Ghi chú
I	Công ty con	
1	Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con đến ngày 31/05/2021
2	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con đến ngày 21/05/2021
3	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công ty con đến ngày 21/05/2021
4	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con đến ngày 07/06/2021
5	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con đến ngày 21/05/2021
6	Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Công ty con đến ngày 09/06/2021
7	Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	Công ty con đến ngày 09/06/2021
8	Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	Công ty con đến ngày 09/06/2021
9	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	Công ty con từ ngày 30/11/2021
II	Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	
III	Các cổ đông lớn	
1	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Không còn là cổ đông lớn từ ngày 28/05/2021
2	Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	Không còn là cổ đông lớn từ ngày
3	Công ty Cổ phần HQ Investment Group "HQ Investment"	Trở thành cổ đông lớn từ ngày 28/05/2021, không còn là cổ đông lớn từ ngày 04/08/2021
4	Ông Nguyễn Thành Lê	Không còn là cổ đông lớn từ ngày
5	Ông Lê Hồng Ngọc	Trở thành cổ đông lớn từ ngày 10/05/2021, không còn là cổ đông lớn từ ngày 07/07/2021
6	Ông Phạm Duy Như Quỳnh	Trở thành cổ đông lớn từ ngày 28/05/2021
7	Ông Đàm Mạnh Cường	Trở thành cổ đông lớn từ ngày 23/03/2021
8	Ông Nguyễn Duy Đình	Trở thành cổ đông lớn từ ngày 03/08/2021
IV	Các tổ chức khác có liên quan	
1	Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ TAZON	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
3	Công ty Cổ phần Oriental Cove	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
4	Công ty Cổ phần AllFarm	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
5	Công ty TNHH Thương mại DeliFarm	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
6	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
7	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Dầu tầm tơ Việt Nam	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
8	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
9	Công ty TNHH Bách Phú Thịnh	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
10	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
11	Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer	Tổ chức có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	962.874.884	1.099.146.686
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.168.466.486	3.921.223.662
Các khoản tương đương tiền (i)	-	51.000.000.000
Cộng	5.131.341.370	56.020.370.348

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	13.866.625.814	1.635.912.548
Công ty TNHH TJP Vina	-	404.666.589
Công ty TNHH Kinh doanh và XNK Trường Thịnh	4.873.912.453	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Hải Linh	2.518.100.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ván ép 368	1.380.883.550	-
Công ty TNHH TM và DV Giao nhận vận tải Long Thành	845.125.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu H&G	607.986.800	-
Công ty TNHH LIM	557.194.000	-
Công ty TNHH Hapag Lloyd Việt Nam	82.471.840	308.189.125
Các đối tượng khác	3.000.952.171	923.056.834
Trong đó: Phải thu là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh 29)	-	195.854.593

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán	70.502.904.000	79.427.371
Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận - Bên liên quan (i)	70.160.904.000	-
Các đối tượng khác	342.000.000	79.427.371

Ghi chú:

- (i) Phản ánh số tiền thanh toán 90% giá trị Hợp đồng số 01/2021/HĐTĐ, ký kết ngày 26/05/2021 giữa Công ty và Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận về việc thuê lại quyền sử dụng 76.500 m2 đất tại Lô CN - 1.1, Khu Công nghiệp Tuy Phong, xã Vĩnh Hào, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận để xây dựng nhà xưởng phục vụ hoạt động kinh doanh kho bãi, kho chứa hàng hóa, hóa chất, dịch vụ logistics. Thời hạn thuê: 42 năm (đến ngày 31/12/2063). Đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận vẫn đang thực hiện các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	157.485.039.584	-	16.507.668.014	-
Tạm ứng	1.217.468.400	-	1.870.189.500	-
Ký cược, ký quỹ, đặt cọc	45.070.000.000	-	10.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Phong (i)	45.000.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	70.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	90.260.274	-
Phải thu lãi vay ngắn hạn - Bên	-	-	40.701.370	-
Phải thu về vốn góp hợp đồng	60.000.000.000	-	-	-
hợp tác kinh doanh				
Công ty TNHH Thương mại	60.000.000.000	-	-	-
TTRICE (ii)				
Phải thu về vốn góp hợp đồng đã	45.600.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Bất động sản	5.600.000.000	-	-	-
Hòa Phú (iii)				
CTCP Thương mại Phát triển	20.000.000.000	-	-	-
Gia Định (iv)				
Công ty TNHH HV Investment	20.000.000.000	-	-	-
Phải thu lợi nhuận từ hoạt động	4.920.000.000	-	-	-
hợp tác kinh doanh				
Công ty TNHH Thương mại	4.920.000.000	-	-	-
TTRICE (ii)				
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được	-	-	10.195.447.870	-
chia - Bên liên quan				
Công ty TNHH Vận tải Đường	-	-	4.351.701.893	-
bộ Duyên Hải				
Công ty TNHH Vận tải Duyên	-	-	4.620.017.747	-
Hải Phú Thọ				
Công ty TNHH Vận tải Duyên	-	-	387.065.713	-
Công ty TNHH Sản xuất và	-	-	836.662.517	-
Thương mại Duyên Hải				
Các khoản phải thu khác	677.571.184	-	4.301.069.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và	-	-	4.267.340.000	-
Thương mại Duyên Hải - Bên				
liên quan				
Các khoản phải thu khác	677.571.184	-	33.729.000	-
b) Dài hạn	473.808.000	-	92.000.000	-
Tạm ứng	-	-	17.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	473.808.000	-	75.000.000	-
Cộng	157.958.847.584	-	16.599.668.014	-

Ghi chú:

- (i) Phản ánh số tiền đặt cọc số theo Hợp đồng số 101/2021/HDĐC/GAVI/TCO-NTP ngày 01/10/2021 được ký giữa Công ty với ông Nguyễn Thanh Phong về việc ông Nguyễn Thanh Phong đồng ý chuyển nhượng 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Gavi (mà ông Phong đang sở hữu) cho Công ty.
- (ii) Phản ánh số tiền góp vốn tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 036/2021/HTKD/TCO-TTRICE ngày 03/06/2021 được ký kết giữa Công ty và Công ty TNHH Thương mại TTRICE "TTRICE" với mục đích để cùng hợp tác phát triển hoạt động kinh doanh. Thời gian hợp tác từ ngày 3/6/2021 đến ngày 3/12/2021. Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐKD/TCO-TTRICE ngày 03/12/2021 gia hạn thời gian hợp tác thêm 1 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. PHẢI THU KHÁC (Tiếp theo)**

- (iii) Phản ánh số dư khoản góp vốn tham gia Hợp đồng hợp tác đầu tư số 076/2021/HTĐT/HP-TCO ngày 07/06/2021 được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phú. Mục đích: Hợp tác đầu tư dự án Tòa nhà văn phòng - trung tâm điều hành logistics khu vực Tây Nguyên tại khu đất có diện tích 2,425 m2 tại Đắc Lắc. Thời gian hợp tác: 36 tháng kể từ khi dự án đủ điều kiện khai thác vận hành cho thuê. Số tiền còn lại được sẽ chuyển trả trước ngày 26/04/2022 (trong vòng 5 tháng kể từ ngày kí Thanh lý hợp đồng).
- (iv) Phản ánh số tiền góp vốn tham gia Hợp đồng hợp tác đầu tư số 2708/2021/HTĐT/PTGD-TCO ngày 27/08/2021 được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại Phát triển Gia Định. Mục đích: Cùng hợp tác đầu tư phát triển kinh doanh. Thời gian thực hiện: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- (v) Phản ánh số tiền góp vốn tham gia Hợp đồng hợp tác đầu tư số 2708/2021/HTĐT/HVI-TCO ngày 27/08/2021 được ký kết giữa Công ty và Công ty TNHH HV Investment. Mục đích: Cùng hợp tác đầu tư phát triển kinh doanh. Thời gian thực hiện: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Hàng hoá để sửa chữa container	84.667.031	-
Cộng	84.667.031	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	98.392.745	415.005.908
- Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	16.363.636	383.333.333
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	82.029.109	31.672.575
b) Dài hạn	908.958.289	423.206.328
- Chi phí cải tạo văn phòng	335.708.320	333.371.979
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	127.072.802	5.370.249
- Chi phí quyền sở hữu giá trị còn lại của xe nâng	262.500.000	
- Thiết bị văn phòng và sửa xe	183.677.167	84.464.100
Cộng	1.007.351.034	838.212.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Phải thu về cho vay dài hạn là các bên liên quan	-	-	8.800.000.000	8.800.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành (i)			8.800.000.000	8.800.000.000

Ghi chú:

- (i) Khoản phải thu về cho vay theo các hợp đồng cho vay, thời hạn cho vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay 4%/năm, mục đích vay vốn dùng để phục vụ sản xuất kinh doanh, sửa chữa nâng cấp, cải tạo nền bãi. Trong năm 2021, toàn bộ khoản vay đã được thu hồi.

11. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	31.348.182	9.253.638.408	43.727.274	9.328.713.864
Thanh lý tài sản cố định	-	(8.004.769.317)	-	(8.004.769.317)
Số cuối năm	31.348.182	1.248.869.091	43.727.274	1.323.944.547
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	31.348.182	8.160.877.941	43.727.274	8.235.953.397
Khấu hao trong năm	-	124.886.904	-	124.886.904
Giảm do thanh lý		(8.004.769.317)		(8.004.769.317)
Số cuối năm	31.348.182	280.995.528	43.727.274	356.070.984
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	-	1.092.760.467	-	1.092.760.467
Số cuối năm	-	967.873.563	-	967.873.563

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 75.075.456 VND (Tại ngày 31/12/2020 là 8.079.844.762 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢISố 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2,
quận Hải An, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con	72.000.000.000	-	-	167.096.120.074	(1.504.479.285)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	72.000.000.000	-	(i)	-	-	(i)
Công ty TNHH Container Minh Thành (ii)	-	-	-	60.990.000.000	(146.908.066)	(i)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải (iii)	-	-	-	45.655.576.172	-	(i)
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải (iv)	-	-	-	32.867.444.563	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải (v)	-	-	-	14.503.099.339	-	(i)
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ (vi)	-	-	-	6.500.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (vii)	-	-	-	2.520.000.000	(1.356.541.475)	(i)
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải (viii)	-	-	-	1.000.000.000	(1.029.744)	(i)
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam (ix)	-	-	-	3.060.000.000	-	(i)

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (ii) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 99,947% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Container Minh Thành, với tổng giá chuyển nhượng là 60,99 tỷ VND.
- (iii) Trong năm, Công ty đã góp bổ sung 40 tỷ VND tăng vốn điều lệ và sau đó đã chuyển nhượng 99,89% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải, với tổng giá chuyển nhượng là 86,8 tỷ VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 1.144.423.828 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh.
- (iv) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 99% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải, với tổng giá chuyển nhượng là 32,867 tỷ VND.
- (v) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 99,35% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải, với tổng giá chuyển nhượng là 14,51 tỷ VND. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 6.900.661 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh.
- (vi) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ, với tổng giá chuyển nhượng là 6,5 tỷ VND.
- (vii) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội, với tổng giá chuyển nhượng là 2,25 tỷ VND.
- (viii) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 100% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải, với tổng giá chuyển nhượng là 1 tỷ VND.
- (ix) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 51% tỷ lệ sở hữu trong Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam, với tổng giá chuyển nhượng là 3,06 tỷ VND.

Sau chuyển nhượng, Công ty không còn sở hữu vốn góp tại các Công ty trên.

Tại ngày 31/12/2021, công ty chỉ còn sở hữu vốn góp ở một Công ty con là Công ty CP TM DV Năng lượng Hoàng Gia, với tỷ lệ sở hữu là 50,704%.

Lợi nhuận trước thuế kể từ ngày mua đến ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia là (1.193.093.503) VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	7.323.631.415	7.323.631.415	1.038.579.164	1.038.579.164
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	116.831.220	116.831.220	116.831.220	116.831.220
Công ty TNHH Đại lý vận tải EVERGREEN (Việt Nam)	3.145.718.158	3.145.718.158	61.380.450	61.380.450
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ TLS	1.255.966.000	1.255.966.000		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hà Trung	542.597.000	542.597.000		
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	481.460.000	481.460.000		
Các đối tượng khác	1.781.059.037	1.781.059.037	860.367.494	860.367.494
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 29)		-	824.854.224	824.854.224

Ghi chú: Các khoản nợ trên đều là nợ trong hạn và có khả năng trả nợ.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	88.010.001	1.107.286.842	1.191.075.113	4.221.730
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.277.333	6.330.791.722	4.870.599.067	1.465.469.988
Thuế thu nhập cá nhân	15.681.560	807.434.410	618.532.174	204.583.796
Thuế môn bài	-	5.500.000	5.500.000	-
Cộng	108.968.894	8.251.012.974	6.685.706.354	1.674.275.514

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	854.517.701	2.017.010.594
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	631.656.300	610.434.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi tại các công ty con	-	791.960.664
Các khoản phải trả khác	222.861.401	14.615.930
Các khoản phải trả phải nộp khác	-	600.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tài Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	-	600.000.000
Dài hạn	15.000.000	78.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	15.000.000	78.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tài Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	-	25.000.000
- Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	-	35.000.000
- Các đối tượng khác	15.000.000	18.000.000
Cộng	869.517.701	2.095.010.594

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	187.110.000.000	9.772.359.500	(22.095.490.500)	825.550.013	70.539.052	67.644.443.703	243.327.401.768
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	18.391.170.841	18.391.170.841
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	49.596.839	49.596.839	(15.204.058.917)	(15.104.865.239)
Tăng quỹ từ lợi nhuận công ty con	-	-	-	-	306.186.294	-	306.186.294
Giảm khác	-	-	-	-	(317.790.000)	(169.416.565)	(487.206.565)
Số dư đầu năm nay	187.110.000.000	9.772.359.500	(22.095.490.500)	875.146.852	108.532.185	70.662.139.062	246.432.687.099
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	32.874.981.463	32.874.981.463
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	69.418.208	389.548.109	(11.591.194.141)	(11.132.227.824)
Chi Quỹ và chi khác	-	-	-	-	(498.080.294)	(279.351.000)	(777.431.294)
Bán cổ phiếu quỹ	-	20.154.573.600	22.095.490.500	-	-	-	42.250.064.100
Số dư cuối năm nay	187.110.000.000	29.926.933.100	-	944.565.060	-	91.666.575.384	309.648.073.544

Ghi chú:

- (i) Trong năm Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/2021/NQ-HĐQT ngày 11/10/2021 như sau:

	Số tiền
	VND
Chi trả cổ tức 2020	121.624.738
Tạm chi cổ tức 2021(*)	11.226.600.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	104.132.987
Quỹ đầu tư phát triển	69.418.208
Quỹ phát triển thị trường (Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu)	69.418.208
	11.591.194.141

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 16/2021/NQ-HĐQT ngày 11/10/2021 đã thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 01 năm 2021 với tỷ lệ thực hiện là 6% tương đương 600 đồng/cổ phiếu.

Tổng số cổ tức Công ty đã trả trong năm là 11.348.224.738 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.711.000	18.711.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	1.982.924
+ Cổ phiếu phổ thông	-	1.982.924
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.711.000	16.728.076
+ Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	16.728.076
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá (VND)	10.000	10.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
USD	21.287,11	1.400,39

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	98.153.324.766	28.537.936.196
Doanh thu bãi	19.594.219.676	16.426.618.273
Doanh thu cước vận tải biển (trung gian)	51.197.081.703	9.412.536.670
Doanh thu vận tải và cho thuê xe	26.469.464.797	2.287.284.772
Doanh thu dịch vụ khác	892.558.590	411.496.481
Trong đó: doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)	606.425.165	960.474.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bãi	16.236.439.860	14.475.938.256
Giá vốn cước vận tải biển (trung gian)	40.812.868.368	6.721.948.198
Giá vốn vận tải và cho thuê xe	24.776.087.898	1.664.925.443
Giá vốn dịch vụ khác	686.667.570	245.524.392
Cộng	<u>82.512.063.696</u>	<u>23.108.336.289</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	7.545.214.692	2.541.541.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	124.886.904	173.839.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.322.446.350	25.191.120.459
Chi phí khác bằng tiền	2.746.089.036	251.787.600
Cộng	<u>92.738.636.982</u>	<u>28.158.288.711</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	7.551.814.575	14.920.260.454
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	673.529.173	3.435.654.230
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	3.091.971
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	11.891.481.900	-
Doanh thu chuyển nhượng vốn	1.151.324.489	-
Lãi Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	10.204.500.000	-
Cộng	<u>31.472.650.137</u>	<u>18.359.006.655</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	61.101.067	3.730.925
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính vào công ty con	(1.504.479.285)	(221.279.549)
Cộng	<u>(1.443.378.218)</u>	<u>(217.548.624)</u>

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.042.959.692	2.541.541.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	124.886.904	173.839.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.236.156.837	2.078.784.170
Thuế, phí, lệ phí	53.843.710	4.000.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.768.726.143	251.787.600
Cộng	<u>10.226.573.286</u>	<u>5.049.952.422</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập khác	875.060.416	-
Thu nhập từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	875.000.000	-
Thu nhập khác	60.416	-
Trong đó: thu nhập khác với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	875.000.000	-

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	39.205.773.185	18.956.202.764
Điều chỉnh tăng/(giảm) thu nhập chịu thuế (i)	(7.551.814.575)	(14.920.260.454)
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	(7.551.814.575)	(14.920.260.454)
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	-	-
Thu nhập chịu thuế	31.653.958.610	4.035.942.310
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	6.330.791.722	807.188.462
Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 theo Nghị quyết 116/2020/QH14		(242.156.539)
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp trong năm	6.330.791.722	565.031.923

Ghi chú:

- (i) Ngoài khoản thu nhập không chịu thuế với số tiền 7.551.814.575 VND, Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực Miền Bắc, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ bãi, dịch vụ cước vận tải biển, dịch vụ vận tải và cho thuê xe. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Chi phí thuê đã ghi nhận vào trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Ghi nhận vào chi phí trong năm	226.254.545	108.000.000
Cộng	<u>226.254.545</u>	<u>108.000.000</u>

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	291.054.545	27.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	178.254.545	-
Cộng	<u>469.309.091</u>	<u>27.000.000</u>

Tại thời điểm 31/12/2021, công ty đang thực hiện các hợp đồng thuê văn phòng sau:

- Hợp đồng thuê văn phòng số 10/2021/TD-CP ngày 01/07/2021, mặt bằng thuê tại Hải Phòng (sử dụng làm văn phòng Công ty), đơn giá 18.800.000VND/tháng (chưa VAT). Thời gian thuê 2 năm.
- Hợp đồng thuê văn phòng số 12.21TG/VCCITH tháng 11/2021, mặt bằng thuê tại Thanh Hoá (sử dụng làm văn phòng đại diện), đơn giá 5.454.545VND/tháng (chưa VAT). Thời gian thuê từ 01/12/2021 đến hết ngày 31/12/2023.

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(5.131.341.370)	(56.020.370.348)
Vốn chủ sở hữu	309.648.073.544	246.432.687.099
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,00%</u>	<u>0,00%</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.131.341.370	56.020.370.348	5.131.341.370	56.020.370.348
Phải thu khách hàng và phải thu khác	171.825.473.398	27.035.580.562	171.825.473.398	27.035.580.562
Đầu tư tài chính dài hạn	72.000.000.000	165.591.640.789	72.000.000.000	165.591.640.789
Tổng cộng	248.956.814.768	248.647.591.699	248.956.814.768	248.647.591.699
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	8.193.149.116	3.133.589.758	8.193.149.116	3.133.589.758
Chi phí phải trả	462.891.471	592.041.000	462.891.471	592.041.000
Tổng cộng	8.656.040.587	3.725.630.758	8.656.040.587	3.725.630.758

Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo giá gốc và dự phòng. Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.131.341.370	-	5.131.341.370
Phải thu khách hàng và phải thu khác	171.351.665.398	473.808.000	171.825.473.398
Đầu tư tài chính dài hạn	-	72.000.000.000	72.000.000.000
Tổng cộng	176.483.006.768	72.473.808.000	248.956.814.768
Tại ngày cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.178.149.116	15.000.000	8.193.149.116
Chi phí phải trả	462.891.471	-	462.891.471
Tổng cộng	8.641.040.587	15.000.000	8.656.040.587
Chênh lệch thanh khoản thuần	167.841.966.181	72.458.808.000	240.300.774.181
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.020.370.348	-	56.020.370.348
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.143.580.562	8.892.000.000	27.035.580.562
Đầu tư tài chính dài hạn	-	165.591.640.789	165.591.640.789
Tổng cộng	74.163.950.910	174.483.640.789	248.647.591.699
Tại ngày đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.055.589.758	78.000.000	3.133.589.758
Chi phí phải trả	592.041.000	-	592.041.000
Tổng cộng	3.647.630.758	78.000.000	3.725.630.758
Chênh lệch thanh khoản thuần	70.516.320.152	174.405.640.789	244.921.960.941

Như vậy, có thể thấy chênh lệch thanh khoản thuần của công ty lớn, công ty có khả năng đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. GIAO DỊCH VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày thoái vốn	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	4.001.038.729	9.506.454.545
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	-	2.555.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	3.730.188.729	8.362.495.000
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-	53.454.545
Công ty TNHH Container Minh Thành	270.850.000	1.087.950.000
	-	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	606.425.165	960.474.329
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	179.234.048	441.860.233
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	15.395.666	120.871.388
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	66.756.536	230.265.502
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	42.538.915	95.234.806
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	82.500.000	32.242.400
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	220.000.000	40.000.000
	-	
Doanh thu hoạt động tài chính	134.126.027	565.819.175
Công ty TNHH Container Minh Thành	134.126.027	156.241.094
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	-	409.578.081
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát	-	-
	-	
Góp vốn	40.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	40.000.000.000	-
Chuyển nhượng vốn góp	39.367.444.563	-
Chuyển nhượng vốn góp của 2 công ty: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải và Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ cho Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	39.367.444.563	-
Nhận chuyển nhượng vốn góp	-	3.060.000.000
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	-	3.060.000.000
	-	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.551.814.575	14.920.260.454
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	1.881.019.604	4.129.676.287
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	346.461.425	793.975.654
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	1.091.998.201	981.483.616
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	4.076.763.280	9.015.124.897
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	155.572.065	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Như đã đề cập tại Thuyết minh số 5,13,18 : Chi tiết số dư với các bên liên quan của Công ty cụ thể như sau:

	<u>Số đầu năm</u>
	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	195.854.593
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	24.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	66.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	41.854.593
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	64.000.000
Phải thu khác	14.503.489.240
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>4.308.041.370</i>
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	40.701.370
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	4.267.340.000
<i>Các khoản phải thu lợi nhuận</i>	<i>10.195.447.870</i>
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	4.351.701.893
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	4.620.017.747
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	387.065.713
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	836.662.517
Phải thu về cho vay dài hạn	8.800.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	8.800.000.000
Phải trả khác	660.000.000
<i>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>600.000.000</i>
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	600.000.000
<i>Các khoản phải trả dài hạn khác</i>	<i>60.000.000</i>
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	25.000.000
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	35.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	824.854.224
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	737.074.224
Công ty TNHH Container Minh Thành	87.780.000

Tại thời điểm 31/12/2021, công ty có số dư khoản mục Trả trước cho người bán với Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận số tiền 70.160.904.000 VND.

30. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 20/2021/NQ-HĐQT ngày 08/12/2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa chào bán cổ phiếu ra công chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2020 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2022



Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng

Phan Thanh Bình
Tổng Giám đốc